TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 54/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn và bà Trần Thị Thanh Xuân.

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 471/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2022; Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thúy V, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Nhật B, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phan Thị Thúy V đều trình bày:

Chị và anh Lê Nhật B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Huế vào ngày 12/4/2018. Qúa trình chung sống với nhau hạnh phúc được 04 năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh B ham chơi, không chịu làm việc, không quan tâm đến gia đình, hay đánh đập chị, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ ngày 05/11/2020 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị V khai chị và anh B có 01 con chung là Lê Phan Thảo N, sinh ngày 16/02/2016, hiện đang ở với chị. Chị V có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị V khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại bản tự khai ngày 15/8/2022, bị đơn anh Lê Nhật B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân thì như chị V đã trình bày. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị V xin ly hôn anh thì anh thuận tình ly hôn với chị V.

Về con chung: Anh B khai anh và chị V có 01 con chung là Lê Phan Thảo N, sinh ngày 16/02/2016, hiện đang ở với chị Vy. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao cháu N cho chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh B khai vợ chồng anh không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Nhật B không đến Toà án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên toà, anh B vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn anh Lê Nhật B, xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử chưa thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự. Cho chị V được ly hôn với anh Lê Nhật B.

Về con chung: Giao cháu Lê Phan Thảo N, sinh ngày 16/02/2016 cho chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V anh B không yêu cầu Toà án giải quyết nên Viện kiểm sát không xem xét.

Buộc chị Phan Thị Thúy V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị Thúy V khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Lê Nhật B. Anh B có nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Lê Nhật B vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Bin.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Nhật B và chị Phan Thị Thúy V có quá trình chung sống với nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Huế vào ngày 12/4/2018 (số 32, năm 2018). Như vậy, hôn nhân giữa anh B và chị V là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Thúy V, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình chị V và anh B chung sống với nhau hạnh phúc chỉ được một thời gian rất ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau. Trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, anh B đồng ý ly hôn với chị V, đồng thời vắng mặt trong phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa thể hiện sự bỏ mặc, không muốn đoàn tụ. Tại phiên tòa, chị V vẫn cương quyết ly hôn với anh B. Nhận thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa chị Vy và anh B không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vy. Cho chị V được ly hôn với anh B.

[2.3] Về con chung: Chị V và anh B có 01 con chung là Lê Phan Thảo N, sinh ngày 16/02/2016, hiện đang ở với chị V.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 23/8/2022, bị đơn là anh Lê Nhật B trình bày nguyện vọng của anh là giao con chung cho chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con do chị V không có yêu cầu. Xét yêu cầu của chị V có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N là phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của anh Bin, không làm xáo trộn, thay đổi việc cháu Nhi hiện nay đang trực tiếp chung sống với chị V. Do đó, cần giao cháu Lê Phan Thảo N cho chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, là phù hợp.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Do chị V không có yêu cầu nên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh B chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị V và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Phan Thị Thúy V đối với anh Lê Nhật B về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Chị Phan Thị Thúy V được ly hôn anh Lê Nhật B.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Phan Thảo N, sinh ngày 16/02/2016 cho chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Anh B chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm

2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị V, anh B không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm gồm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003514 ngày 06/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TTHuế;*
- *VKSND thành phố Huế;*
- *Chi cục Thi hành án TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường H*
- *Lưu hồ sơ, lưu án.*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế